

ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NĂM 2026
90. PHƯỜNG LONG HOA

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ NHÀ NƯỚC HIỆN HÀNH (đồng/m ²)	GIÁ ĐỀ XUẤT (đồng/m ²)
		TỪ	ĐẾN		
PHẦN I. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG					
A	QUỐC LỘ (QL), ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)				
1	ĐƯỜNG 781 (Đường CMT8 nối dài)	Trộn tuyến		10.716.000	18.544.000
2	QUỐC LỘ 22B	Đoạn còn lại		3.108.000	7.554.000
B	CÁC ĐƯỜNG KHÁC				
I	Các đường có tên				
1	AN DƯƠNG VƯƠNG (Lộ Bình Dương cũ)	Cửa 7 Tòa Thánh	Nguyễn Văn Linh (Lộ Trung Hòa cũ)	8.580.000	18.132.000
2	BUI THỊ XUÂN (Cửa 8 TTTM Long Hoa)	Trộn tuyến		34.800.000	54.400.000
3	CÁC ĐƯỜNG LÔ KHUÔN Nguyễn Chí Thanh - Trần Phú	Đường 80 – Nguyễn Chí Thanh(Xuân Hồng nối dài)	Đường 76 – Nguyễn Chí Thanh	5.280.000	11.424.000
4	CÁC ĐƯỜNG LÔ KHUÔN Nguyễn Huệ - An Dương Vương	Cửa số 6 Tòa Thánh	Phạm Văn Đồng (Phạm Ngọc Trần cũ)	7.248.000	14.844.000
5	CÁC ĐƯỜNG LÔ KHUÔN Nguyễn Văn Linh - Trịnh Phong Đáng	Trần Phú	Đường Sân Cu	4.548.000	9.000.000
		Nguyễn Văn Linh	Ranh P. Long Thành Bắc - xã T.Tây (cũ)	3.552.000	9.300.000
6	Các đường số 1, 7, 21- Sân Cu	Trộn tuyến		4.548.000	6.294.000
7	Các đường số 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14 - Trịnh Phong Đáng	Trộn tuyến		2.412.000	5.715.000
8	Các đường số 2, 6, 8, 10, 12, 16, 20- Sân Cu	Trộn tuyến		3.552.000	7.443.000
9	CHÂU VĂN LIÊM (Phó Đà Sơn - Phước Đức Cù cũ)	An Dương Vương	Nguyễn Huệ (Cao Thượng Phẩm cũ)	9.600.000	19.091.000
		Nguyễn Huệ	Lý Thường Kiệt (Ca Bảo Đạo cũ)	14.880.000	25.641.000
10	ĐỖ THỊ TẶNG	Lý Thường Kiệt (Ca Bảo Đạo cũ)	Nguyễn Huệ (Cao Thượng Phẩm cũ)	16.200.000	28.188.000
11	Đường 11- Sân Cu	Sân Cu	An Dương Vương	3.432.000	8.916.000
12	Đường 31, đường Trường Đông nối dài	Góc đường 31 đường Trường Đông (mặt nhựa 4)	đoạn gần cuối đường 31 đường Trường Đông (giáp đầu đường mặt nhựa 6m)		1.200.000
		đoạn gần cuối đường 31 đường Trường Đông (giáp đầu đường mặt nhựa 6m)	đến hết đường 31 đường Trường Đông (mặt nhựa 6m)		1.200.000
13	Đường Bàu Éch	Nguyễn Văn Linh	Ngô Quyền	3.060.000	7.185.000

14	Đường Cầu Trường Long đi Chà Là	Nguyễn Văn Linh (Lộ Trung Hòa cũ)	Cầu Trường Long	4.776.000	7.066.000
15	Đường lô khu vực Phường Long Hoa (đường nhựa)	Các đường lô Khu phố 1		9.240.000	19.679.000
		Các đường lô Khu phố 2		8.640.000	17.618.000
		Các đường lô Khu phố 3		7.560.000	16.500.000
		Các đường lô Khu phố 4		7.080.000	15.673.000
16	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài	Ngã tư Nguyễn Lương Bằng	Đến cầu kênh TN1		5.319.000
		Đến cầu kênh TN1	Khu di tích lịch sử Năm Trai, cầu Năm Trai		5.319.000
17	Đường Nguyễn Văn Linh, đường 95	Từ gốc đường Nguyễn Văn Linh, đường 95	Cách đường Nguyễn Văn Linh 1km		6.382.000
		Cách đường Nguyễn Văn Linh 1km	đến ranh xã Trường Hòa		5.319.000
18	Đường nội đồng giáp ranh huyện Gò Dầu	từ đường Nguyễn Văn Linh nối dài	Ranh xã Cẩm Giang (đầu đường nhựa)		1.596.000
		Ranh xã Cẩm Giang (đầu đường nhựa)	hết ranh giới xã Trường Đông và xã Cẩm Giang		1.596.000
19	Đường SÂN CU (đường 17 - Nguyễn Văn Linh)	Nguyễn Văn Linh	Đường 8 - Sân Cu	6.816.000	12.912.000
		Đường số 8 - Sân Cu	Đường số 20 - Sân Cu	4.776.000	13.173.000
		Đường số 20 - Sân Cu	Hết tuyến	3.348.000	8.701.000
20	Đường Trần Phú	Ranh P.Long Thành Trung - Long Thành Nam (Nguyễn Văn Cừ nối dài)	Quốc lộ 22B		8.118.000
21	Đường Trường Đông	Đường Nguyễn Văn Linh	QL 22B	1.716.000	4.000.000
22	Đường vào chợ Trường Lưu	Nguyễn Văn Linh (Lộ Trung Hòa cũ)	Chợ Trường Lưu	8.856.000	16.320.000
23	Đường xung quanh chợ trường Lưu	Trộn tuyến		5.316.000	8.194.000
24	HAI BÀ TRƯNG (Cửa 3 TTTM Long Hoa)	Cửa 3 TTTM Long Hoa	Phạm Hùng	35.880.000	58.020.000
25	Hẻm 71 - Đường CMT 8	Trộn tuyến		4.296.000	11.228.000
26	HÙNG VƯƠNG (Báo Quốc Từ cũ)	Cua Lý Bơ	Phạm Văn Đồng (Phạm Ngọc Trần cũ)	38.400.000	72.667.000
		Phạm Văn Đồng (Phạm Ngọc Trần cũ)	Cửa 1 TTTM Long Hoa (Huỳnh Thanh Mừng)	40.200.000	74.787.000
27	HUỶNH THANH MỪNG	Vòng quanh TTTM		41.184.000	83.456.000
28	LÝ THƯỜNG KIỆT (Ca Bào Đạo cũ)	Châu Văn Liêm	Phạm Văn Đồng (Nguyễn Thái Học cũ)	23.520.000	40.529.000
		Đ. Lạc Long Quân	Châu Văn Liêm	18.240.000	27.600.000

29	NGÔ QUYỀN	Trần Phú (Lộ Bình Dương cũ)	Đường vào Trường THPT Nguyễn Chí Thanh (đường vòng quanh chợ Long Hải)	5.460.000	14.503.000
		Đường vào Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Đường Hóc Trâm	3.816.000	10.525.000
30	NGÔ THỜI NHIỆM (Cửa 6 TTTM Long Hoa)	Trộn tuyến		34.800.000	55.326.000
31	NGUYỄN CHÍ THANH (Cao Thượng Phẩm cũ)	Phạm Văn Đồng (Phạm Ngọc Trần cũ)	Xuân Hồng	23.040.000	36.100.000
32	NGUYỄN DU (Cửa 2 TTTM Long Hoa)	Trộn tuyến		35.880.000	59.278.000
33	NGUYỄN HUỆ (Cao Thượng Phẩm cũ)	Cửa số 6 Tòa Thánh	Phạm Văn Đồng (Phạm Ngọc Trần cũ)	18.120.000	28.921.000
34	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG (Thiên Thọ Lộ cũ)	Nguyễn Văn Linh (Lộ Trung Hòa cũ)	Quốc lộ 22B	2.568.000	6.826.000
35	Nguyễn Lương Bằng nói dài	Từ Nguyễn Văn Linh (góc đèn đỏ UBND xã Trường Đông)	đến Ngã Năm		3.413.000
		đến Ngã Năm	đến ranh xã Trường Hòa		2.730.000
36	NGUYỄN VĂN CỪ	Tôn Đức Thắng (Báo Quốc Từ cũ)	Quốc lộ 22B	5.160.000	11.208.000
37	NGUYỄN VĂN LINH (Lộ Trung Hòa cũ)	Từ ranh P.Long Hoa-L.Thành Bắc (cũ)	Đường Sân Cu	11.352.000	19.561.000
		Đường Sân Cu	Ranh Long Thành Bắc - Trường Tây (cũ)	8.856.000	17.334.000
		Ranh Long Thành Bắc - Trường Tây (cũ)	Ranh Trường Tây - Trường Hòa (cũ)	8.856.000	18.212.000
		Ranh Trường Tây - Trường Hòa (cũ)	Cầu Giải Khổ	6.432.000	14.040.000
		Cầu Giải Khổ	Đ. Nguyễn Lương Bằng	4.872.000	10.637.000
38	PHẠM HÙNG (Ca Bảo Đạo cũ)	Phạm Văn Đồng (Nguyễn Thái Học cũ)	Ngã 3 giáp ranh phường Hòa Thành	27.720.000	45.500.000
39	PHẠM THÁI BỪNG	Phạm Văn Đồng	Ranh Phường Long Hoa – Hiệp Tân (cũ)	12.840.000	20.781.000
40	PHẠM VĂN ĐỒNG (Nguyễn Thái Học-Phạm Ngọc Trần cũ)	Nguyễn Huệ (Cao Thượng Phẩm cũ)	Lý Thường Kiệt (Ca Bảo Đạo cũ)	27.360.000	45.732.000
		Lý Thường Kiệt (Ca Bảo Đạo cũ)	Ranh P. Hiệp Tân – Phường Long Hoa (cũ)	23.520.000	39.913.000
41	PHAN VĂN ĐÁNG (Cửa 7 TTTM Long Hoa)	Cửa 7 TTTM Long Hoa	Nguyễn Chí Thanh	34.800.000	53.600.000
		Nguyễn Chí Thanh (Cao Thượng Phẩm cũ)	Trần Phú (Lộ Bình Dương cũ)	17.400.000	28.100.000

42	TÔN ĐỨC THẮNG (Báo Quốc Từ cũ)	Huỳnh Thanh Mừng (Cửa 5 chợ Long Hoa)	Xuân Hồng	38.400.000	72.016.000
43	TRẦN PHÚ (Lộ Bình Dương cũ)	Nguyễn Văn Linh (Lộ Trung Hòa cũ)	Trịnh Phong Đáng (Lộ Thiên Cang cũ)	8.580.000	16.767.000
		Trịnh Phong Đáng (Lộ Thiên Cang cũ)	Quốc lộ 22B	6.006.000	14.840.000
44	TRỊNH PHONG ĐÁNG (Lộ Thiên Cang)	Trần Phú (Lộ Bình Dương cũ)	Ranh xã Trường Tây (cũ)	4.992.000	13.982.000
		Ranh Trường Tây (cũ)	Hết tuyến	3.720.000	10.128.000
45	TRƯỜNG QUYỀN (Cửa 4 TTTM Long Hoa)	Trộn tuyến		35.880.000	58.500.000
II Các đường chưa có tên					
Khu vực thuộc phường Long Hoa, phường Long Thành Bắc, xã Trường Tây cũ					
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông				4.248.000
2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.752.000
3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông				2.977.000
4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.174.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông				1.752.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				956.000
Khu vực thuộc xã Trường Hòa, xã Trường Đông cũ					
7	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông				2.505.000
8	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.612.000
9	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông				2.142.000

10	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				992.000
11	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông				1.612.000
12	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				708.000
PHẦN II. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG KÊNH					
1	Áp dụng giá đất tại phần III				
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II					
1	Phường Long Hoa (Phường Long Hoa, Phường Long Thành Bắc, Xã Trường Tây cũ)				669.200
2	Phường Long Hoa (các xã còn lại)				496.000